

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hải Thanh và ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa: Bà Từ Nữ Lệ Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt);

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn M, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có yêu cầu vắng mặt);

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Dương Thị T1, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông là chủ cửa hàng Ngư lưới cụ Tuấn D, phục vụ hậu cần nghề khai thác cá tại C. Vợ chồng ông Lê Văn M có ghe tàu đi biển nên thường xuyên đến cửa hàng ông mua vật dụng phục vụ cho việc đi biển sau mỗi chuyến khai thác. Sau mỗi chuyến đi hay mỗi mùa vụ thì vợ chồng ông M sẽ thanh toán số nợ cũ rồi lại mua nợ vật dụng mới. Mỗi lần mua nợ như vậy thì ông là người trực tiếp ghi vào sổ theo dõi của ông, khi họ đến trả tiền thì ông hoặc người trả tự ghi vào sổ theo dõi. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng ông M không đến cửa hàng ông mua Ngư lưới cụ và cũng không thanh toán số nợ cũ với số tiền 103.850.000 đồng cho ông mà lại sang cửa hàng khác để mua sắm. Việc không trả tiền mua hàng còn nợ của vợ chồng ông M đã làm cho cửa hàng ông gặp nhiều khó khăn. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông M phải thanh toán cho ông số tiền mua hàng còn nợ là 103.850.000 đồng. Ông không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai (BL 25), bị đơn ông Lê Văn M trình bày: Vào năm 2020, ông có mua hàng Ngư lưới cụ của ông T theo hình thức gói đầu, tức là trước khi đi biển ông sẽ ra tại cửa hàng của ông T mua các dụng cụ đi biển và sau khi đi biển về sẽ thanh toán cho ông T từ 20% đến 60% tùy theo số tiền mua hàng. Tuy nhiên do hai năm nay việc đi biển khó khăn và cũng không có bạn đi biển cùng nên hiện nay ông chưa thanh toán cho ông T số tiền mua hàng còn nợ. Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 103.850.000 đồng, ông đồng ý trả cho ông T số tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai (BL 26), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T1 trình bày: Bà là vợ ông Lê Văn M, bà xác nhận vợ chồng bà có mua hàng Ngư lưới cụ của ông T từ năm 2020. Mỗi lần mua ngư lưới cụ thì bà là người trực tiếp đi mua hoặc nhờ người đi biển đi mua giùm và ghi tên bà, hình thức mua là

trả dần, tức là lúc đầu là mua thiếu nợ, sau khi đi biển về sẽ thanh toán dần từ 20% đến 60% số tiền mua hàng tùy theo mỗi lần đi biển. Tuy nhiên từ năm 2021 trở lại đây do việc đi biển gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng bà chưa thanh toán hết số tiền nợ cho ông T. Bà xác nhận hiện nay vợ chồng bà còn nợ tiền mua hàng của ông T là 103.850.000 đồng. Đây là nợ chung của vợ chồng nên bà đồng ý trả cho ông T số tiền trên.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng buộc ông Lê Văn M, bà Dương Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền mua hàng còn nợ là 103.850.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T khởi kiện vợ chồng ông Lê Văn M, bà Dương Thị T1 yêu cầu giải quyết: Buộc vợ chồng ông Lê Văn M, bà Dương Thị T1 phải trả cho ông số tiền mua hàng còn nợ là 103.850.000 đồng.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Văn M, bà Dương Thị T1 có nơi cư trú tại thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[2.]. *Về việc vắng mặt của đương sự:* Tại biên bản lấy lời khai ông Lê Văn M, bà Dương Thị T1 (BL 25, 26), ông M, bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3.]. *Về nội dung vụ án:* Ông Nguyễn Thành T yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn M phải trả cho ông số tiền mua Ngư lưới cụ còn nợ 103.850.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên. Chứng cứ mà ông T giao nộp là các giấy vờ học sinh ghi nội dung mua hàng và số tiền nợ của vợ chồng ông T, mặc dù tờ giấy này chỉ thể hiện nội dung ông T có mua các loại ngư lưới cụ và có thể hiện số tiền còn nợ tổng cộng là 103.850.000 đồng, không có chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông M. Tuy nhiên tại các biên bản lấy lời khai ông M, bà T1 không có ý kiến phản đối về tờ giấy trên, đồng thời thừa nhận số tiền còn nợ của ông T là 103.850.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết có thật, được các bên đương sự thừa nhận, ông T không phải chứng minh thêm. Quá trình giải quyết vụ án ông M, bà T1 đồng ý trả cho ông T số tiền trên, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc vợ chồng ông M, bà T1 phải trả cho ông T số tiền 103.850.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nên không xem xét.

[4.]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án. Do yêu cầu của ông Nguyễn Thành T được chấp nhận nên vợ chồng ông M, bà T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 92, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T2 đối với ông Lê Văn M1, bà Dương Thị T1.

- Buộc ông Lê Văn M, bà Dương Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền 103.850.000đ (*một trăm lẻ ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

** Về án phí:* Ông Lê Văn M, bà Dương Thị T1 phải chịu 5.192.500đ (*năm triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. H trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền 2.596.250đ (*hai triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng*) mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002123 ngày 31/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Khánh Hưng

